

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/FES(VN)/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274).3767188 – 3767168 Fax: (0274).3767128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

Ngày Cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

Cơ sở đã có Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (Có giá trị đến ngày 17/8/2026) và Giấy chứng nhận HACCP (Có giá trị đến ngày 17/8/2026), được nộp kèm theo Bản tự công bố sản phẩm này.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Hillway Trà sữa trân châu.

2. Thành phần:

- Gói trà sữa:

Thành phần: Bột kem (57 %) [siro glucose, dầu nhân cọ, chất khô từ sữa (7,5 %)(whey protein, natri caseinate), chất ổn định (340(ii), 451(i)), chất nhũ hóa (471, 481(i)), chất chống đông vón (551), màu tổng hợp dùng cho thực phẩm Beta-caroten (160a(i))], đường, bột trà (3 %), hương liệu tổng hợp, muối ăn, bột cacao, chất tạo ngọt Acesulfam kali tổng hợp (950).

Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).

- Gói trân châu:

Thành phần: Nước, đường, fructose, chất làm dày (425, 407, 410, 418, 401), chất tạo màu tự nhiên Caramen nhóm I (150a), chất ổn định (332(ii), 508), hương liệu tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (327, 330, 296, 331(iii)), chất bảo quản (202), chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfam kali (950).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.



3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Gói trà sữa:

Ngày sản xuất (NSX): 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

- Gói trân châu:

Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

- Hộp thành phẩm trà sữa trân châu:

Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Ngày đóng gói, Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

- Ly thành phẩm trà sữa trân châu:

Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Ngày đóng gói (NDG), Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Gói trà sữa: Được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói có khối lượng tịnh 40 g, 1 dây có khối lượng tịnh: 160 g (4 gói x 40 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

- Gói trân châu: Được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói có khối lượng tịnh 30 g, 1 dây có khối lượng tịnh: 120 g (4 gói x 30 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

- Hộp giấy có khối lượng tịnh: 280 g (Gồm 4 gói trà sữa x 40 g, 4 gói trân châu x 30 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

- Ly giấy có khối lượng tịnh: 70 g (Gồm 1 gói trà sữa x 40 g, 1 gói trân châu x 30 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Gói trân châu được sản xuất tại:

Chi nhánh Công ty TNHH MAGISEA

Địa chỉ: 38 Bình Mỹ, xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Có Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 (Có giá trị đến ngày 12/08/2027), được nộp kèm theo Bản tự công bố sản phẩm này.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

4.1. Đối với gói trà sữa:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

4.1.1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8).
- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.9; 2.21; 3.27; 4.6).

4.1.2. Thông tư các Bộ ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm. Các tiêu chuẩn khác: theo Tiêu chuẩn số 06/FES(VN)/2024 ngày 18/10/2024 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

4.2. Đối với gói trân châu:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

4.2.1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 3.24).

4.2.2. Thông tư các Bộ ngành:

- Quyết định số 2204/QĐ-BYT: Quy định tạm thời mức giới hạn nhiễm chéo Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP) trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Các tiêu chuẩn khác: theo Tiêu chuẩn số 06/FES(VN)/2024 ngày 18/10/2024 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

4.3. Đối với thành phẩm trà sữa trân châu:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Các tiêu chuẩn khác đối với gói trà sữa và gói trân châu: theo Tiêu chuẩn số 06/FES(VN)/2024 ngày 18/10/2024 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 18 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



[Handwritten signature in blue ink]

Chinthaka Prabath Nanayakkara

Giám đốc khối sản xuất và vận hành



CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 06/FES(VN)/2024
Thực phẩm thường	HILLWAY TRÀ SỮA TRÂN CHÂU	Ngày: 18/10/2024

1. Phạm vi:

Áp dụng cho sản phẩm “Hillway Trà sữa trân châu” của công ty.

2. Yêu cầu về các chỉ tiêu an toàn:

2.1. Đối với gói trà sữa:

2.1.1. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

2.1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	E. coli	cfu/g	Không được có
4	S. aureus	cfu/g	10
5	Cl. perfringens	cfu/g	10
6	Bacillus cereus	cfu/g	10
7	Salmonella spp.	/25g	Không được có
8	Tổng số bào tử nấm men - mốc	cfu/g	10 ²

2.1.3. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.9; 2.21; 3.27; 4.6)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	2
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
4	Thủy Ngân (Hg)	mg/kg	0,05



2.2. Đối với gói trà châu:

2.2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	E. coli	cfu/g	Không được có
4	S. aureus	cfu/g	10
5	Cl. perfringens	cfu/g	10
6	Bacillus cereus	cfu/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men - mốc	cfu/g	10^2

2.2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 3.24)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	1

2.2.3. Quyết định số: 2204/QĐ-BYT: Quy định tạm thời mức giới hạn nhiễm chéo Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP) trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	DEHP	mg/l	1,5

3. Yêu cầu về dinh dưỡng:

Phù hợp với Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm

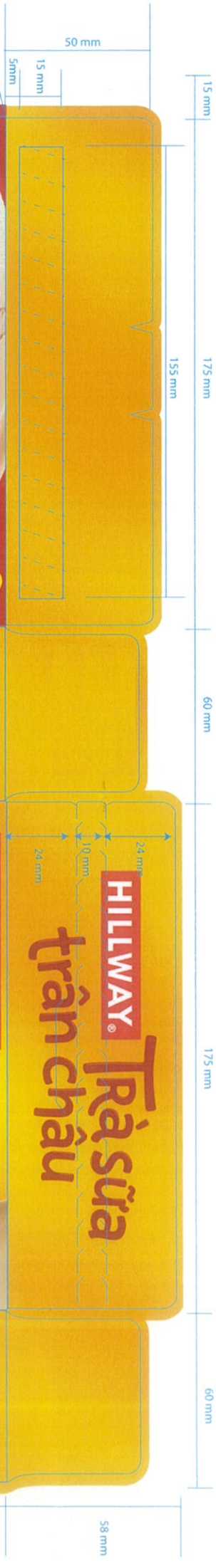
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 70 g (Gồm 1 gói trà sữa 40 g + 1 gói trà châu 30 g)	Mức tối thiểu có trong 70 g (*) (Gồm 1 gói trà sữa 40 g + 1 gói trà châu 30 g)
1	Năng lượng	kcal	216	151,2
2	Chất đạm	g	0,7	0,49

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 70 g (Gồm 1 gói trà sữa 40 g + 1 gói trân châu 30 g)	Mức tối thiểu có trong 70 g (*) (Gồm 1 gói trà sữa 40 g + 1 gói trân châu 30 g)
3	Carbohydrat	g	37	25,9
4	Đường tổng số	g	34	23,8
5	Chất béo	g	7,3	5,11
6	Natri	mg	106	74,2

Ghi chú (*): Giá trị thực không thấp hơn 70% giá trị công bố trên nhãn







HILLWAY® Trà sữa trân châu
chuẩn vị ĐÀI LOAN
Có trân châu hoàng kim
Size L
GỖI LỚN HƠN *
THƠM NGON HƠN
8 GỖI

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 280 g
Gồm 4 gói trà sữa x 40 g, 4 mm
4 gói trân châu x 30 g, 4 mm

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

HILLWAY®

Thông tin dinh dưỡng (nutrition facts)

Tổng số khẩu phần ăn: 1	
Kcal có mặt trong khẩu phần ăn: 360 kJ	
Thành phần dinh dưỡng	% giá trị dinh dưỡng
Hàm lượng (Energy)	270 kJ kcal 11%
Chất đạm (Protein)	0,7 g 1%
Chất béo (Fat)	27 g 9%
Carbohydrate	37 g 9%
Chất xơ (Fiber)	36 g 9%
Chất béo bão hòa	12,5 g 9%
Chất béo không bão hòa	10 g 19%
Chất béo chuyển hóa	0 g 0%

% giá trị dinh dưỡng được tính dựa trên cơ sở so sánh với mức tiêu thụ dinh dưỡng hàng ngày của người tiêu dùng trung bình. Các giá trị dinh dưỡng này có thể thay đổi tùy theo khẩu phần ăn.

HILLWAY® Trà sữa trân châu
chuẩn vị ĐÀI LOAN
Có trân châu hoàng kim
Size L
GỖI LỚN HƠN *
THƠM NGON HƠN
8 GỖI

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 280 g, 4 mm
Gồm 4 gói trà sữa x 40 g, 4 mm
4 gói trân châu x 30 g, 4 mm

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

HILLWAY® Trà sữa trân châu

Để mua sản phẩm này, vui lòng quét mã QR để mua hàng.

1. Chọn gói Trà sữa trân châu
2. Thêm vào giỏ hàng
3. Thêm số lượng
4. Chọn gói Trà sữa trân châu và thêm vào giỏ hàng

Để mua sản phẩm này, vui lòng quét mã QR để mua hàng.

Để mua sản phẩm này, vui lòng quét mã QR để mua hàng.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00010546
Mã số kết quả : AR-24-VD-013923-01-VI / EUVNHC-00252362 - 2



Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tên mẫu : Hillway trà sữa trân châu
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì ghép mí
Ngày nhận mẫu : 24/01/2024
Thời gian thử nghiệm : 25/01/2024 - 30/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 30/01/2024
Mã số PO của khách hàng : NA9J2401242788

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
5	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD1ZL VD <i>Bacillus cereus</i>	/g	Ref AOAC 980.31	Không phát hiện
7	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	4.0x10 ⁴
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD0AS VD (a) Acesulfam kali (E950)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623, 3579 (Ref. BS EN 12856:1999)	414
10	VD30A VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	248
11	VD30B VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
12	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
13	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
14	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
16	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD020 VD (a) Melamine	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 10

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 24/05/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
18	VD057 VD bis-2-ethylhexyl phthalat (DEHP)	mg/ kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ

Giám Đốc mảng Kiểm Nghiệm Thực Phẩm và Thức Ăn Chăn Nuôi HCM



Lý Hoàng Hải

Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 07/02/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 07/02/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Eurofins SKHD trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

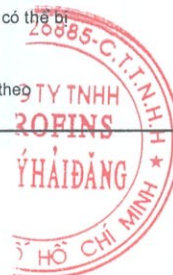
Hết thời hạn lưu mẫu, Eurofins SKHD không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Eurofins SKHD và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00010546
Mã số kết quả : AR-24-VD-013923-01-VI / EUVNHC-00252362 - 1



Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tên mẫu : Hillway trà sữa trân châu
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì ghép mí
Ngày nhận mẫu : 24/01/2024
Thời gian thử nghiệm : 25/01/2024 - 30/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 30/01/2024
Mã số PO của khách hàng : NA9J2401242788

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD129 VD (a) Carbohydrates (không bao gồm xơ dinh dưỡng) (không bao gồm Xơ dinh dưỡng)	%	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	52.9
2	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	%	AOAC 991.43	1.85
3	VD165 VD (a) Béo	%	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	10.4
4	VD263 VD (a) Đạm	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	1.07
5	VD304 VD (a) Đường tổng	%	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	48.5
6	VD543 VD Năng lượng (tính theo Carbohydrates không bao gồm xơ dinh dưỡng) (tính theo Carbohydrate không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	309
7	VD652 VD (a) Acid béo bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	10.3
8	VD652 VD (a) Acid béo dạng trans	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	0.02
9	VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	0.08
10	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	32.4
11	VD297 VD (a) Tro tổng	%	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	1.47
12	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3580 (Ref. AOAC 994.10)	Không phát hiện (LOD=10)
13	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	1520

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ

Giám Đốc mảng Kiểm Nghiệm Thực Phẩm và Thức Ăn Chăn Nuôi HCM

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 07/02/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 07/02/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Eurofins SKHD trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Eurofins SKHD không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Eurofins SKHD và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2024-00010546

Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-24-VD-013923-01 / EUVNHC-00252362

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Tổng số phần ăn: 1			
Kích cỡ một phần ăn: 70 g			
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	216	kcal	11%
Chất đạm (Protein)	0.7	g	1%
Carbohydrate	37	g	11%
Đường tổng số (Total Sugars)	34	g	
Chất béo (Fat)	7.3	g	13%
Natri (Sodium)	106	mg	5%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2024-00010547			
Mã số kết quả :	AR-24-VD-013634-01-VI / EUVNHC-00252362			
Công Ty TNHH FES (Việt Nam) Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam				
Tên mẫu : Gói trà sữa của sản phẩm "Hillway trà sữa trân châu" Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì ghép mí Ngày nhận mẫu : 24/01/2024 Thời gian thử nghiệm : 25/01/2024 - 30/01/2024 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 30/01/2024 Mã số PO của khách hàng : NA9J2401242788				
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
5	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	4.5x10 ¹
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD0AS VD (a) Acesulfam kali (E950)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623, 3579 (Ref. BS EN 12856:1999)	526
10	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
11	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
12	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.03)
13	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
14	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD020 VD (a) Melamine	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.				

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ

Giám Đốc mảng Kiểm Nghiệm Thực Phẩm và Thức Ăn Chăn Nuôi HCM



Lý Hoàng Hải

Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 07/02/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 07/02/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Eurofins SKHD trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Eurofins SKHD không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Eurofins SKHD và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2024-00010545			
Mã số kết quả :	AR-24-VD-013633-01-VI / EUVNHC-00252362			
Công Ty TNHH FES (Việt Nam) Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam				
Tên mẫu : Gói trần châu của sản phẩm " Hillway trà sữa trân châu" Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì ghép mí Ngày nhận mẫu : 24/01/2024 Thời gian thử nghiệm : 25/01/2024 - 30/01/2024 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 30/01/2024 Mã số PO của khách hàng : NA9J2401242788				
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
5	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd. 1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD0AS VD (a) Acesulfam kali (E950)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623, 3579 (Ref. BS EN 12856:1999)	320
10	VD30A VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	573
11	VD30B VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
12	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
13	VD057 VD bis-2-ethylhexyl phthalat (DEHP)	mg/ kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.05)
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.				

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ

Giám Đốc mảng Kiểm Nghiệm Thực Phẩm và Thức Ăn Chăn Nuôi HCM



Lý Hoàng Hải

Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 07/02/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 07/02/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Eurofins SKHD trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Eurofins SKHD không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Eurofins SKHD và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

